

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12.03.2025.

V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Sơn

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Ngọc Phú. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 751/2024/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Bé Thị K**, sinh năm: 1985.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số D, đường A, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Hiện đang tạm trú tại: số A, đường Đ, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: số D, đường A, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà K, ông T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Bé Thị K trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2008, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường E,

thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, không phụ giúp vợ chăm sóc các con và trốn tránh chia sẻ việc nhà trong gia đình. Ngoài ra, ông T còn thường xuyên bạo hành bà trong chuyện quan hệ vợ chồng và có những lời lẽ thiếu tôn trọng xúc phạm đến gia đình bên ngoại. Cuối năm 2017 trong lúc mâu thuẫn cãi nhau ông T đã dùng dây trói và nhốt bà trong phòng để ép bà quan hệ vợ chồng vì tự vệ bản thân bà đã cắn đứt lưỡi ông T bằng răng của mình. Mặt khác, ông T còn không tin tưởng bà trong quan hệ tình cảm nên thường xuyên ghen tuông vô cớ, có những lời lẽ xúc phạm bà, trong khi bà phải tự lo bưng trải làm ăn để lo cho cuộc sống của cả gia đình, ông T cũng không quan tâm. Sau nhiều lần hàn gắn tình cảm từ hai bên gia đình nội, ngoại thì cuộc sống chung của vợ chồng bà vẫn không có cải thiện được, tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng nên từ tháng 10 năm 2019 đến nay vợ chồng bà đã sống ly thân nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng nên từ năm 2020 bà đã đưa 02 con ra ngoài thuê phòng trọ sinh sống. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng với ông T không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Nguyễn Quốc V, sinh ngày 26/11/2008; Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 16/05/2012, hiện nay bà đang là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con. Khi ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi 02 con chung và yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 4.000.000đ/02 con/tháng. Thu nhập bình quân của bà một tháng hiện nay khoảng 12.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung: Bà đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông và bà K xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tình cảm, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bà K đi học lái xe có nhắn tin qua lại với thầy giáo dạy lái xe nên vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn, nội dung tin nhắn qua điện thoại cũng không thể hiện bà K có quan hệ bất chính nhưng do ông ghen tuông nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Năm 2017, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà K có cắn đứt lưỡi ông. Từ năm 2021 cho đến nay bà K đã đưa 02 con ra ngoài thuê phòng trọ sinh sống nhưng thỉnh thoảng ông vẫn qua thăm các con. Nay bà K làm đơn xin ly hôn ông không đồng ý ly hôn vì ông vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà K và có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình.

- Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung là Nguyễn Quốc V, sinh ngày 26/11/2008; Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 16/05/2012, hiện nay đang được bà K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Trường hợp bà Kim cương Q xin ly hôn thì ông có nguyện vọng được nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà K phải

cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay Thu nhập bình quân của ông một tháng khoảng từ 12.000.000đ – 13.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung: Ông đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, bà K xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T. Về con chung, bà K có nguyện vọng được nuôi 02 con chung và yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 4.000.000đ/2con/ 01 tháng. Về tài sản chung, bà K yêu cầu để bà và ông T tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, bà K xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà K và có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình. Về con chung, trường hợp bà Kim cương Q xin ly hôn thì ông có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Thị Anh T1, không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, ông T yêu cầu để ông và bà Kim T2 thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, ông T xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận xin ly hôn của bà Bé Thị K, cho bà Bé Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Về con chung, giao 02 con chung là Nguyễn Quốc V và Nguyễn Thị Anh T1 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đ/02 con/01 tháng (2.000.000đ/01con/01 tháng). Về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận. Về nợ chung, vợ chồng xác định không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bé Thị K và ông Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 2008, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng không hợp nhau, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống hàng ngày và không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm vợ chồng dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc. Tại phiên tòa, bà K xác định không còn tình cảm với

ông T nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn còn ông T không đồng ý ly hôn với bà K và có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T cũng thừa nhận nội dung tin nhắn trong điện thoại của bà K không thể hiện nội dung bà K có quan hệ bất chính với người khác. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng sống ly thân và bà K đưa các con ra ngoài thuê nhà sinh sống cho đến nay ông T cũng không có động thái nào để cải thiện quan hệ tình cảm vợ chồng. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Bé Thị K, xử cho bà Bé Thị K và ông Nguyễn Văn T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về con chung: Bà K và ông T có 02 con chung là Nguyễn Quốc V, sinh ngày 26/11/2008; Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 16/05/2012. Khi ly hôn bà K có nguyện vọng được nuôi 02 con chung còn ông T có nguyện vọng được nuôi cháu T1. Xét thấy, về điều kiện nuôi dưỡng con chung thì bà K và ông T đều có đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, hiện nay cháu V và cháu T1 đang được bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và các con đều có nguyện vọng được ở với bà K nếu bố mẹ ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm sinh lý của các con cũng như chỗ ở và tôn trọng nguyện vọng của các con cần tiếp tục giao 02 con chung là Nguyễn Quốc V và Nguyễn Thị Anh T1 cho bà K có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các con là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, bà K yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 4.000.000đ/02 con/tháng. Xét thấy, mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bà K yêu cầu là phù hợp với chi phí hợp lý cho việc nuôi dưỡng con chung hiện nay cũng như mức thu nhập của ông T nên cần buộc ông T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 4.000.000đ/02 con/01 tháng (2.000.000đ/1con/01 tháng) là phù hợp.

[3] Về tài sản chung: Bà K và ông T yêu cầu để hai bên tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà K và ông T xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để xem xét.

[5] Về án phí: Bà K phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Bé Thị K, xử cho bà Bé Thị K và ông Nguyễn Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Quốc V, sinh ngày 26/11/2008 và Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 16/05/2012 cho bà Bé Thị K có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các con.

Ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 4.000.000đ/02 con/01 tháng (2.000.000đ/01 con/01 tháng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân năm 2015.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Bé Thị Kim P chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001389 ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, bà K đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND phường 5, thành phố Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Ngọc